TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 768/2023/DS-PT
Ngày 14 – 11 – 2023
V/v tranh chấp thừa kế
về quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 265/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2774/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc C, *(chết năm 2010);*

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C:

1. Bà Phùng Xuân H, sinh năm 1962, *(vắng mặt);*

2. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1988, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông D (theo các Tờ ủy quyền ngày 11/01/2012): Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Số 960, Tổ 32, Khu vực TH 2, phường TT, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt);*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Luật sư Phạm Duy Huy Ph và Luật sư Phạm

Khắc Ph1 – Cùng làm việc tại Văn phòng Luật sư Phạm Khắc Ph1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ, *(Luật sư Ph vắng mặt, Luật sư Ph1 có mặt).*

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh M1, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 111, ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo các Giấy ủy quyền ngày 18/9/2013 và ngày 09/8/2023):

+ Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1951; cùng địa chỉ: Số 111, ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt);*

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 152, đường CMTT, phường BHN, quận BT, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lương Công H2, *(chết ngày 18/8/2016);*

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H2:

1.1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944, *(vắng mặt);*

1.2. Bà Lương Thị Ngọc L1, sinh năm 1974, *(vắng mặt);*

1.3. Ông Lương Huy T, sinh năm 1980, *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ.

2. Ông Lương Bá T1, *(chết năm 1998);*

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T1:

2.1. Ông Lương Hoàng D1, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt);*

2.2. Bà Lương Tố Ng, *(chết ngày 05/9/2023);*

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ng: Bà Đặng Thị A, sinh năm 1946; địa chỉ: Ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt);*

2.3. Bà Lương Thị Diễm K, sinh năm 1973, *(vắng mặt);*

2.4. Ông Lương Hoàng Nam T2, sinh năm 1974, *(vắng mặt);*

2.5. Bà Lương Thị Kim T3, sinh năm 1975, *(vắng mặt);*

2.6. Ông Lương Hoàng Công T4, sinh năm 1979, *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ.

3. Ông Nguyễn Ngọc B, *(chết ngày 18/12/2016);*

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B:

3.1. Ông Nguyễn Phục Tr, sinh năm 1982, *(vắng mặt);*

3.2. Ông Nguyễn Phục N1, sinh năm 1972, *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Ấp VQ, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ.

4. Bà Nguyễn Thị Kim T5, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp AQ, xã HB, huyện CM, tỉnh An Giang, *(vắng mặt)*.

5. Ông Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1958; địa chỉ: 172 R.D 012 M.G.QC Canada, *(vắng mặt)*.

6. Ông Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1970; địa chỉ: 300 B.Street O.O Canada, *(vắng mặt)*.

7. Ông Nguyễn Ngọc Q, *(chết ngày 24/8/2023);*

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q:

7.1. Bà Phạm Thị M2, sinh năm 1952, *(vắng mặt);*

7.2. Ông Nguyễn Ngọc Q1, sinh năm 2001, *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ.

8. Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 960, Tổ 32, Khu vực TH 2, phường TT, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của ông M (theo Giấy ủy quyền ngày 01/3/2021): Ông Mai Hoàng Tr1, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 15/7, Khu vực 2, đường LHP, phường TN, quận BT, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt);*

9. Ông Nguyễn Ngọc H3, *(chết năm 1998);*

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H3: Ông Jimmy N2 Nguyễn, sinh năm 1991; địa chỉ: 05, Ed., Cr., Ca. – NSW 2163, Australia, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Jimmy N2 Nguyễn (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/10/2020): Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 960, Tổ 32, Khu vực TH 2, phường TT, quận TN, Thành phố Cần Thơ, *(có mặt);*

10. Bà Nguyễn Thị T6, *(chết năm 2013);*

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T6:

10.1. Ông Đặng Thành T7, *(chết năm 2008, không có vợ, con).*

10.2. Bà Nguyễn Lê B1, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 51, ấp VN, xã VB, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt).*

10.3. Bà Đặng Thị B2, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 275/23 ML, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang, *(vắng mặt).*

11. Bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1946, *(vắng mặt);*

12. Ông Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1951, *(vắng mặt);*

13. Ông Nguyễn Ngọc A2, sinh năm 1952, *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Ấp VN, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ.

14. Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1951, *(có mặt);*

15. Ông Nguyễn Thanh T8, sinh năm 1973, *(vắng mặt);*

Ông T8 ủy quyền đại diện tham gia tố tụng cho ông H1 theo Giấy ủy quyền ngày 09/11/2023; cùng địa chỉ: Ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ.

16. Ông Phạm Hoàng Gi, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp VL, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ, *(vắng mặt);*

- *Người kháng cáo*:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C là bà Phùng Xuân H và ông Nguyễn Đức D, có ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C là cụ cụ Nguyễn Ngọc M3, cụ Nguyễn Thị H4 chung sống với nhau từ trước năm 1954. Quá trình chung sống, cụ M3 và cụ H4 có 07 người con chung: Bà Nguyễn Thị Kim T5, ông Nguyễn Ngọc Ch, ông Nguyễn Ngọc L2, ông Nguyễn Ngọc Q, ông Nguyễn Ngọc M, ông Nguyễn Ngọc H3 (chết năm 1998, có 01 con là ông Jimmy N2 Nguyễn) và ông Nguyễn Ngọc C (chết năm 2010).

Trước khi chung sống với cụ H4 thì cụ M3 có 04 người con riêng gồm: Bà Nguyễn Thị T6 (chết năm 2013, có 03 con là Đặng Thành T7, chết năm 2008, không vợ con, Nguyễn Lê B1, Đặng Thị B2), bà Nguyễn Thị Thu C, ông Nguyễn Ngọc A2 và ông Nguyễn Ngọc A1.

Đồng thời, trước khi chung sống với cụ M3 thì cụ H4 cũng có 04 con riêng gồm: Ông Lương Công H2 (chết 2016, những người thừa kế gồm, vợ là bà Nguyễn Thị N, cùng các con là Lương Thị Ngọc L1 và Lương Huy T), ông Lương Bá T1 (chết năm 1998, những người thừa kế gồm có 06 người gồm: Lương Hoàng D1, Lương Tố Ng, Lương Thị Diễm K, Lương Hoàng Nam T2, Lương Thị Kim T3, Lương Hoàng Công T4), bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 (là bị đơn), ông Nguyễn Ngọc B (chết năm 2016, những người thừa kế có 02 con là Nguyễn Phục Tr và Nguyễn Phục N1).

Cụ M3 và cụ H4 chung sống có tạo lập được các tài sản sau: Phần đất có diện tích 14.250m^2 (đo đạc thực tế 14.731,3m^2), loại đất LUC, thửa số 07, tờ bản đồ số 10; phần đất có diện tích 1.182m^2 (đo đạc thực tế 920,2m^2), loại đất ODT+CLN, thửa số 126, tờ bản đồ số 03; phần đất có diện tích 91m^2 có nhà trên đất, tại thửa số 670, tờ bản đồ số 03, xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ *(sau đây gọi tắt là thửa đất số 07, thửa đất số 126, thửa đất số 670).* Hiện phần

đất diện tích 91m^2 có nhà đã bị quy hoạch kiểm kê tính giá trị bồi thường tiền đất 68.166.000 đồng, tiền nhà 54.000.000 đồng, bà M1 đã nhận. Tất cả các phần đất này do cụ M3 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000451/QSDĐ do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện VTh cấp ngày 20/8/1994. Năm 2002, cụ cụ M3 và cụ H4 mất không để lại di chúc nên nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định, cụ thể yêu cầu bà M1 giao trả thửa đất số 07 để chia, chia thừa kế thửa đất số 126, chia giá trị nhà và đất thuộc thửa đất số 670 đã bị giải tỏa bồi hoàn. Giao cho ông M hưởng hiện vật và ông M có nghĩa vụ trả lại giá trị cho các đồng thừa kế, ai nhượng quyền cho ông M thì ông M không phải thối lại. Không yêu cầu chia tiền thuê đất mà ông Phạm Hoàng Gi thuê của bà M1 trước đây.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và người đại diện theo ủy quyền của bà M1 là ông Nguyễn Ngọc H1 trình bày và có yêu cầu phản tố:

Bà M1 không đồng ý chia thửa đất số 07, vì năm 1990 cụ M3 đã làm tờ chia đất đối với thửa đất này, trong đó chia cho ông Q 02 công, bà M1 03 công, phần ông Q nhượng lại cho bà M1, còn lại 05 công của cụ M3 thì năm 1999 cụ M3 có viết giấy cho đất Nguyễn Thanh T8 (đo thực tế 7.125m^2), có ông Nguyễn Văn N3 viết thay; khi đó, do đất đang thế chấp nên không làm thủ tục sang tên theo quy định. Đối với thửa đất số 670, vào năm 1994 cụ M3 và cụ H4 có nhượng lại cho bà M1 với giá 02 cây vàng, cụ M3 đã giao nhà cho vợ chồng bà M1 ở cho đến khi bị quy hoạch, bà M1 đã nhận tiền bồi hoàn nhà, còn tiền đất chưa nhận

Vì vậy, bà M1 không đồng chia thừa kế thửa đất số 07 và thửa đất số 670. Đối với thửa đất số 07 bà M1 yêu cầu được công nhận một phần đất ruộng 05 công, một phần còn lại công nhận cho ông T8; đồng thời, bà M1 yêu cầu được nhận tiền bồi hoàn đất ở thửa đất số 670. Còn thửa đất số 126 thì bà M1 xác định là di sản của cụ M3 và cụ H4 nên yêu cầu chia theo pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt có ý kiến:

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và các con của bà N là Lương Thị Ngọc L1 và Lương Huy T có văn bản nhượng quyền hưởng di sản cho ông M, cam kết không khiếu nại gì về sau.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Lương Hoàng D1, Lương Tố Ng, Lương Thị Diễm K, Lương Hoàng Nam T2, Lương Thị Kim T3 và Lương Hoàng Công T4 có văn bản nhượng quyền hưởng di sản cho ông M, cam kết không khiếu nại gì về sau.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phục Tr và ông Nguyễn Phục N1 có văn bản nhượng quyền hưởng di sản cho ông M, cam kết không khiếu nại gì về sau.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Nguyễn Thị Kim T5, Nguyễn Ngọc Ch, Nguyễn Ngọc L2 và Nguyễn Ngọc Q có văn bản nhượng quyền hưởng di sản cho ông M, cam kết không khiếu nại gì về sau.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc M yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với 02 thửa đất, ông hưởng hiện vật, đồng ý trả giá trị cho các thừa kế, chia giá trị nhà và đất thuộc thửa đất số 670 bị quy hoạch bồi hoàn. Ông M không đồng ý các tờ cho đất mà bị đơn bà M1 cung cấp vì không có chính quyền địa phương xác nhận.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Jimmy N2 Nguyễn, có người đại diện theo ủy quyền là ông M, đề nghị chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với các tài sản như nguyên đơn yêu cầu.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Nguyễn Lê B1, Đặng Thị B2, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Ngọc A2 và Nguyễn Ngọc A1 có văn bản nhượng quyền hưởng di sản cho ông M, cam kết không khiếu nại gì về sau.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8 đề nghị Tòa án công nhận phần đất diện tích 7.125m^2 tại thửa đất số 07, vì ông T8 cho rằng, vào năm 1999 ông ngoại đã cho ông T8 phần đất này, có làm tờ cho đất có ông N3 viết thay và trong đơn khởi kiện ông C cũng có nói việc cụ M3 đã cho ông phần đất này.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H1 thống nhất ý kiến và yêu cầu phản tố của bà M1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 24/8/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C (chết) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Phùng Xuân H và ông Nguyễn Đức D. Xác định di sản của cụ Nguyễn Ngọc M3 và cụ Nguyễn Thị H4 được chia như sau:

1.1. Bà Phùng Xuân H và ông Nguyễn Đức D được hưởng giá trị tài sản 385.763.910 (ba trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm mười) đồng, được trả công sức quản lý di sản 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tổng cộng: 435.763.910 (bốn trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm mười) đồng. Số tiền này ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ giao lại cho bà H và ông D.

1.2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 được hưởng giá trị tài sản 192.881.955 (một trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám mươi mốt ngàn, chín trăm năm mươi lăm) đồng. Số tiền này ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ giao lại cho bà M1.

1.3. Ông Jimmy N2 Nguyễn được hưởng giá trị tài sản 385.763.910 (ba trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm mười) đồng. Số tiền này ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ giao lại cho ông N2 Nguyễn.

1.4. Sau khi ông Nguyễn Ngọc M giao lại giá trị tài sản thừa kế cho bà H, ông D, bà M1, ông Jimmy N2 Nguyễn thì ông M được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất, được quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất. Các phần đất tại thửa đất số 07 và thửa đất số 126 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000451/QSDĐ ngày 20/8/1994 do Ủy ban nhân dân huyện TN (cũ) nay là huyện VTh cấp cho cụ Nguyễn Ngọc M3, có diện tích thực tế theo các Bản trích đo địa chính số 43/TTKTTNMT và số 42/TTKTTNMT ngày 29/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Đối với cây trồng trên thửa đất số 126, ông Nguyễn Ngọc M được quyền sở hữu.

1.6. Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền tiến hành làm thủ tục sang tên cho ông M theo quyết định trên của Bản án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1;

2.1. Công nhận giá trị bồi hoàn nhà, đất theo dự án cầu VC thuộc quyền sở hữu của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và ông Nguyễn Ngọc H1. Bà M1 và ông H1 được quyền liên hệ Trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố Cần Thơ nhận giá trị bồi hoàn đất 68.166.000 đồng.

2.2. Kiến nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Cần Thơ tiến hành thủ tục chi trả cho bà M1 và ông H1 theo quy định.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh T8 về yêu cầu công nhận một phần đất có diện tích 7.125m^2 tại thửa đất số 07.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà M1.

Ngày 06/9/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8 có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông T8.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1, có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa trình bày, bà M1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án với các lý do;

Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể:

Trước đây, ông Nguyễn Ngọc C đã được các đồng thừa kế như bà Nguyễn Thị Kim Cúc, bà Nguyễn Thị T6, ông Nguyễn Ngọc A1, ông Nguyễn Ngọc A2, ông Lương Công H2, vợ con ông Lương Bá T1 (gồm các ông, bà Đặng Thị A, Lương Hoàng D1, Lương Tố Ng, Lương Thị Diễm K, Lương Hoàng Nam T2, Lương Hoàng Công T4, Lương Thị Kim T3), ông Nguyễn Ngọc B, bà Nguyễn Thị Kim Tuyết, ông Nguyễn Ngọc Ch, vợ và con của ông Nguyễn Ngọc H3 (gồm JIMMY N2 NGUYEN và NGUYEN NG1) thiết lập văn bản nhường quyền thừa kế cho ông Nguyễn Ngọc C thừa hưởng. Các văn bản trên đều có công chứng, chứng thực theo quy định. Đến năm 2010 ông C chết, những người thừa kế được liệt kê ở trên lập lại Văn bản nhượng quyền hưởng thừa kế, tặng cho toàn bộ tài sản của họ lại cho ông Nguyễn Ngọc M thừa hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét việc thay đổi này của các đương sự có phù hợp với pháp luật không, những người đã tặng cho quyền thừa kế trước đây cho ông C họ có quyền đơn phương thay đổi ý kiến không, khi người được tặng cho đã chết và phát sinh quan hệ thừa kế. Song, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn căn cứ vào văn bản nhượng quyền lần 2 (hai) cho ông M để từ đó tuyên xử chấp nhận giao tài sản cho ông Nguyễn Ngọc M là không phù hợp. Hơn nữa, bản thân ông M chưa từng có yêu cầu độc lập gì liên quan đến vụ kiện và cũng chưa thực hiện các nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí và thụ lý theo quy định nhưng vẫn được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao phần di sản trên cho ông M và buộc ông M hoàn giá trị cho các người thừa kế chưa tặng cho hoặc nhường quyền là vượt quá phạm vi yêu cầu của đương sự, thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố Cần Thơ, cùng các con của ông Nguyễn Ngọc H1 là người cùng sử dụng đất gồm: Nguyễn Thị Huỳnh Nh1, Nguyễn Thị Như Ng2, Nguyễn Thị Như H5 và Nguyễn Thị Như H6 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện.

Thêm nữa, Bản án sơ thẩm ghi không đúng tên đương sự gồm ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị Huỳnh M1, dẫn đến không thể thi hành án khi có hiệu lực.

Mặt khác, việc thu thập chứng cứ giải quyết vụ án chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ nhưng tại phiên tòa không thể thực hiện bổ sung được, cụ thể:

Trong diện tích đất tranh chấp có 02 phần đất gồm: Thửa số 07, tờ bản đồ 10, diện tích: 14.250m^2 và thửa số 126, diện tích: 1.182m^2; cả 02 thửa đất này của cụ Nguyễn Ngọc M3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế diện tích đất thửa số 07 tăng 481,3m^2 và thửa số 126 giảm 261,8m^2. Tòa án cấp sơ thẩm chưa có văn bản hỏi UBND huyện VTh xác minh, chưa thu thập chứng cứ làm rõ việc biến động về diện tích của thửa số 07 và thửa số 126 nhưng vẫn căn cứ vào diện tích đo đạc thực tế để giải quyết vụ kiện là chưa đủ căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 có nộp thêm Giấy khai sinh số 965/2006, quyển số 05/2005 của UBND xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ có nội dung thể hiện bà M1 có cha là cụ Nguyễn Ngọc M3 và mẹ là cụ Nguyễn Thị H4 nên bà M1 phải được hưởng một suất thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ M3. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ quan hệ nuôi dưỡng giữa bà M1 với cụ M3 theo quy định tại Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà lại cho rằng bà M1 không được hưởng thừa kế từ cụ M3 là không phù hợp. Vì Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 2015 (trước đây là Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 2005) quy định *"Con riêng và bố dượng, mẹ kế có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế của nhau và còn được thừa kế theo Điều 652 và Điều 653 của Bộ luật này".*

Hơn nữa, Hồ sơ vụ án không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh ông M đủ điều kiện đứng tên đối với đất lúa. Thửa đất số 07, tờ bản đồ 10, diện tích: 14.250m^2, loại đất chuyên trồng lúa. Ông Nguyễn Ngọc M hiện tại không có thường trú tại địa phương nơi có thửa đất này. Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giao toàn bộ thửa đất số 07, tờ bản đồ 10, diện tích: 14.250m^2, loại đất chuyên trồng lúa cho ông Nguyễn Ngọc M là chưa đủ căn cứ theo quy định tại Điều 188 và Điều 191 Luật Đất đai năm 2013.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc H1 tham gia tố tụng tại phiên tòa trình bày, vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông T8.

+ Luật sư Phạm Khắc Ph1 trình bày quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn với nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 trình bày các lý do cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, là không có cơ sở. Việc sai sót về họ tên của đương sự (nếu có) của Bản án sơ thẩm là thuộc trường hợp

Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định sửa chữa, bổ sung hoặc Tòa án cấp phúc thẩm chỉnh sửa tại Bản án phúc thẩm cho đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 có xuất trình tờ Giấy khai sinh để cho rằng bà M1 là con nuôi cụ Nguyễn Ngọc M3, nhưng tờ Giấy khai sinh là do bà M1 tự lập sau khi 02 (hai) cụ M3, H4 đã chết, nên không có giá trị pháp lý.

Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8 là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự này, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật; các đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8 kháng cáo nhưng không có cơ sở để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà M1 và ông T8, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trong gia đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Ngọc B là ông Nguyễn Ngọc Q chết ngày 24/8/2023; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Bá T1 là bà Lương Tố Ng chết ngày 05/9/2023. Tòa án đã xác định được người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q, bà Ng và đưa vào tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, có các đương sự vắng mặt nhưng không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 trình bày các lý do cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đến mức Tòa án cấp phúc thẩm phải hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án, là không có cơ sở. Việc sai sót về họ tên của các đương sự trong vụ án là ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 của Bản án sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp phúc thẩm chỉnh sửa tại Bản án phúc thẩm cho đúng.

[2] *Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;*

[2.1] Cụ Nguyễn Ngọc M3 và cụ Nguyễn Thị H4 chung sống với nhau từ trước năm 1954, cả 02 (hai) cụ đều qua đời vào cùng năm 2002 và không để lại di chúc. Sau khi 02 (hai) cụ chết, ông Nguyễn Ngọc C là một trong những người con chung của 02 (hai) cụ khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ M3 và cụ H4 gồm: Phần đất có diện tích 14.250m^2 (đo đạc thực tế 14.731,3m^2), loại đất LUC, thửa 07, tờ bản đồ số 10; phần đất có diện tích 1.182m^2 (đo đạc thực tế 920,2m^2), loại đất ODT+CLN, thửa số 126, tờ bản đồ số 03, phần đất có diện tích 91m^2 có nhà trên đất, tại thửa 670, tờ bản đồ số 03. Riêng phần đất, nhà ở thửa 670 đã bị quy hoạch kiểm kê tính giá trị bồi thường tiền đất 68.166.000 đồng, tiền nhà 54.000.000 đồng thì bà M1 đã nhận. Tất cả các phần đất này cụ M3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000451/QSDĐ do UBND huyện VTh cấp ngày 20/8/1994.

[2.2] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà M1 chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật thửa số 126, bà M1 không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật thửa số 670 vì cha mẹ đã chuyển nhượng cho bà căn nhà đất tại thửa này (đã bị quy hoạch), còn thửa 07 thì năm 1990 cụ M3 và cụ H4 có lập tờ chia đất cho bà 03 công, ông Q 02 công, sau này ông Q bán cho bà 02 công nên không đồng ý chia và có phản tố yêu cầu công nhận cho bà. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8 cho rằng, năm 1999 cụ M3 có lập văn bản cho ông T8 7.125m^2 tại thửa 07 và ông T8 cũng có yêu cầu độc lập công nhận phần đất này cho ông; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;

[2.2.1] Đối với yêu cầu phản tố của bà M1, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bà M1 được hưởng giá trị bồi thường nhà và đất thửa số 670 theo dự án cầu VC. Bà M1 đã nhận giá trị bồi hoàn nhà xong, chỉ còn giá trị đất là 66.168.000 đồng, bà M1 được quyền liên hệ Trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố Cần Thơ nhận giá trị bồi hoàn đất 68.166.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu công nhận một phần đất tại thửa 07 của bà M1 là có cơ sở, bởi lẽ;

[2.2.1a] Bà M1 cung cấp "Tờ chia đất cho con" ngày 30/12/1990 do cụ M3 và cụ H4 viết, với nội dung chia cụ M3 05 công, bà M1 03 công, ông Q 02 công, phần ông Q đã chuyển cho bà nên thuộc quyền sử dụng của bà. Tuy nhiên, "Tờ chia đất cho con" ngày 30/12/1990 không có công chứng chứng thực, không có chữ ký của những người được chia. Hơn nữa, ông Q khẳng định không có việc ông được chia 02 công đất rồi chuyển cho bà M1. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn và người liên quan ông M không thừa nhận "Tờ chia đất cho con" ngày 30/12/1990; bà M1 không cung cấp được chứng cứ có việc này bằng văn bản nên không có cơ sở xác định sự việc này. Thực tế, cho đến hiện nay, toàn bộ diện tích đất thửa 07 vẫn thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000451/QSDĐ do UBND huyện VTh cấp ngày 20/8/1994 do cụ M3 đứng tên.

[2.2.1b] Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 còn cho rằng, cụ M3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên số nhân khẩu và thời điểm đó bà M1 là một trong những nhân khẩu nên cụ M3 mới tiến hành chia đất cho bà, tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện cụ M3 nhận đất và phải trả thành quả lao động cho người khác mới được quyền sử dụng, giấy đất chứng nhận quyền sử dụng đất cũng thể hiện cấp cho cụ M3 không phải cấp cho hộ, nên ý kiến của bà M1 là không đúng. Vì vậy, yêu cầu công nhận một phần đất tại thửa 07 của bà M1 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở; bởi lẽ;

Ông T8 đưa ra "Tờ cho đất" để yêu cầu công nhận một phần đất tại thửa 07 cho ông, nhưng "Tờ cho đất" không ngày tháng, có năm 1999, không có công chứng chứng thực. Ông T8 cho rằng ông N3 là người làm chứng viết giùm tờ cho đất này, nhưng ông N3 khai viết giùm chứ không chứng kiến phía cụ H4, cụ M3 có ký vào hay không. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn và người liên quan ông M không thừa nhận "Tờ cho đất" này. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định "Tờ cho đất" ông T8 đưa ra là không có giá trị pháp lý, nên yêu cầu công nhận phần đất tại thửa 07 này cho ông T8 là không có cơ sở.

[2.3] Với những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ M3 và cụ H4 được chia thừa kế theo pháp luật gồm: Thửa 126, diện tích thực tế 920,2m^2, loại đất ODT, CLN và nhà trên đất; thửa 07 diện tích thực tế 14.731,3m^2 loại đất LUC, là đúng.

[2.3.1] *Về giá trị tài sản cần xác định để chia, các đương sự thống nhất về giá theo Biên bản định giá ngày 19/5/2021 (bút lục 559), giá trị đất được xác định giá thị trường như sau:*

Thửa 126, diện tích 920,2m^2, có 300m^2 thổ cư, còn lại đất CLN, giá thổ cư 4.000.000 đồng/m^2 x 300m^2 = 1.200.000.000 đồng. Đất CLN còn lại 620,2m^2

x 2.000.000 đồng = 1.240.400.000 đồng; cộng 2.440.400.000 đồng. Nhà và toàn bộ vật kiến trúc trên thửa 126 (trừ nhà mồ) có giá: 429.873.000 đồng. Thửa 07, diện tích 14.731,3m^2, loại đất LUC có giá 100.000 đồng/m^2 x 14.731,3m^2 = 1.473.130.000 đồng. Tổng cộng = 4.343.403.000 đồng.

[2.3.2] *Về việc xác định giá trị các thừa kế được hưởng:*

[2.3.2a] Về việc quản lý di sản, đối với thửa 07 đã cho người liên quan là ông Giang thuê, trước đây phía bà M1 cũng đã được hưởng tiền thuê, ông M chỉ cho thuê năm 2021, các thừa kế không yêu cầu chia phần này nên số tiền bà M1 nhận do cho thuê đất coi như bù đắp công sức quản lý di sản cho bà M1 ở thửa 07, là phù hợp.

[2.3.2b] Đối với thửa 126, khi cụ M3 lớn tuổi thì ông C ở quản lý, chăm sóc cụ M3 đến khi mất, sau khi ông C mất thì ông M quản lý nên công sức tính cho ông M và người kế thừa tố tụng ông C là bà H, ông D cùng được hưởng, nên tính công sức cho ông M 50.000.000 đồng và bà H, ông D 50.000.000 đồng, là phù hợp.

[2.3.2c] Đối với ông T8, tuy có ở với cụ M3 nhưng chỉ là cháu ở cùng, người chăm sóc cụ M3, cụ H4 vẫn là ông C và trước đó năm 1994, khi cụ M3 nhượng nhà đất cho bà M1 ở thửa 670 với giá 02 cây vàng thì cụ M3 cho bà M1 01 cây, 01 cây còn lại cho ông T8 nên không tính công sức phụng dưỡng cho ông T8 là phù hợp.

[2.3.2d] Như vậy, di sản của cụ M3, cụ H4 có tổng giá trị là 4.343.403.000 đồng, do tính công sức cho ông M 50.000.000 đồng và bà H, ông D 50.000.000 đồng, nên còn lại 4.243.403.000 đồng được Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật. Theo đó, bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 được hưởng giá trị tài sản 192.881.955 (một trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám mươi mốt ngàn, chín trăm năm mươi lăm) đồng. Số tiền này ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ giao lại cho bà M1, là có căn cứ, đúng pháp luật,

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 cho rằng, bà M1 phải được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Ngọc M3 vì theo Giấy khai sinh số 965/2006, quyển số 05/2005 của UBND xã VT, huyện VTh, Thành phố Cần Thơ thì bà M1 có cha là cụ M3. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, tờ Giấy khai sinh này là do bà M1 tự lập sau khi 02 (hai) cụ M3, H4 đã chết, nên không có cơ sơ để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định và căn cứ nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án là đúng. Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8 là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà M1 và ông T8; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm của Luật sư Phạm Khắc Ph1 trình bày bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm;

[5.1] Đương sự kháng cáo bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho do là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5.2] Đương sự kháng cáo ông Nguyễn Thanh T8 phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T8; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2022/DS-ST ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ:

Căn cứ các Điều 26, 37, 147, 157, 165, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 650 và Điều 652 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C (chết) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Phùng Xuân H và ông Nguyễn Đức D. Xác định di sản của cụ Nguyễn Ngọc M3 và cụ Nguyễn Thị H4 được chia như sau:

+ Bà Phùng Xuân H và ông Nguyễn Đức D được hưởng giá trị tài sản 385.763.910 (ba trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm mười) đồng, được trả công sức quản lý di sản 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, tổng cộng: 435.763.910 (bốn trăm ba mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi

ba ngàn, chín trăm mười) đồng. Số tiền này ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ giao lại cho bà H và ông D.

+ Bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 được hưởng giá trị tài sản 192.881.955 (một trăm chín mươi hai triệu, tám trăm tám mươi mốt ngàn, chín trăm năm mươi lăm) đồng. Số tiền này ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ giao lại cho bà M1.

+ Ông Jimmy N2 Nguyễn được hưởng giá trị tài sản 385.763.910 (ba trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn, chín trăm mười) đồng. Số tiền này ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ giao lại cho ông N2 Nguyễn.

+ Sau khi ông Nguyễn Ngọc M giao lại giá trị tài sản thừa kế cho bà H, ông D, bà M1, ông Jimmy N2 Nguyễn thì ông M được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất, được quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản trên đất. Các phần đất tại thửa đất số 07 và thửa đất số 126 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000451/QSDĐ ngày 20/8/1994 do Ủy ban nhân dân huyện TN (cũ) nay là huyện VTh cấp cho cụ Nguyễn Ngọc M3, có diện tích thực tế theo các Bản trích đo địa chính số 43/TTKTTNMT và số 42/TTKTTNMT ngày 29/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với cây trồng trên thửa đất số 126, ông Nguyễn Ngọc M được quyền sở hữu.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền tiến hành làm thủ tục sang tên cho ông M theo quyết định trên của Bản án.

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1;

+ Công nhận giá trị bồi hoàn nhà, đất theo dự án cầu VC thuộc quyền sở hữu của bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 và ông Nguyễn Ngọc H1. Bà M1 và ông H1 được quyền liên hệ Trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố Cần Thơ nhận giá trị bồi hoàn đất 68.166.000 đồng.

Kiến nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Cần Thơ tiến hành thủ tục chi trả cho bà M1 và ông H1 theo quy định.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh T8 về yêu cầu công nhận một phần đất có diện tích 7.125m^2 tại thửa đất số 07.

1.4. Về chi phí thẩm định:

+ Buộc ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ trả lại cho bà H và ông D 16.010.000 (mười sáu triệu không trăm mười nghìn) đồng;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 trả cho bà H và ông D 940.000 (chín trăm bốn mươi nghìn) đồng;

+ Buộc ông Jimmy N2 Nguyễn trả cho bà H và ông D 1.880.000 (một triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C: Bà Phùng Xuân H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Đức D phải chịu 9.644.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông C đã nộp theo Biên lai thu số 008032 ngày 08/10/2008 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ, ông D còn phải nộp 8.644.000 (tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Các đương sự bà Nguyễn Thị Huỳnh M1, ông Nguyễn Ngọc M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Jimmy N2 Nguyễn phải chịu 19.288.000 (mười chín triệu hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh T8 phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 000157 ngày 14/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ; ông T8 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Đương sự kháng cáo bà Nguyễn Thị Huỳnh M1 được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

+ Đương sự kháng cáo ông Nguyễn Thanh T8 phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông T8 đã nộp (ông Trần Chí Ng3 nộp thay) theo Biên lai thu số 0000412 ngày 20/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ; ông T8 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 14 tháng 11 năm 2023./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND Thành phố Cần Thơ;
– VKSND Thành phố Cần Thơ ;
– Cục THADS Thành phố Cần Thơ ;
– Các đương sự;
– Lưu: HS, VP, NTHN (31b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh